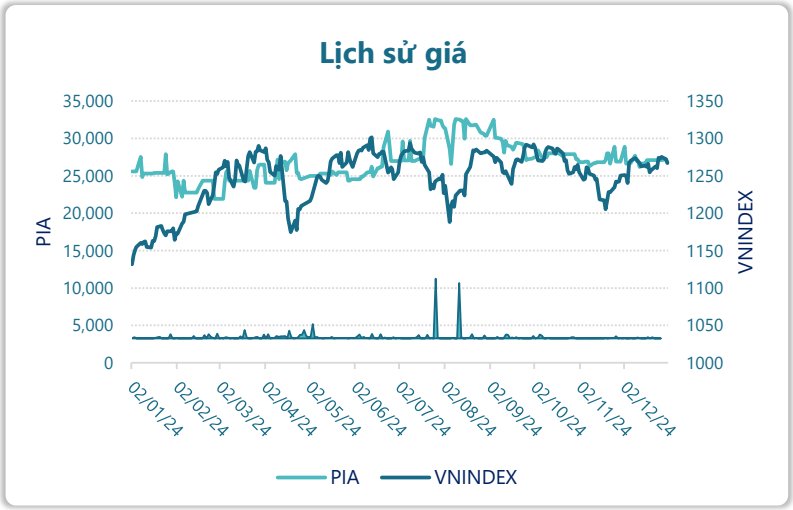
FireAnt

CTCP Tin học Viễn thông Petrolimex (HNX: PIA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**26,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	32,590
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,914
SL cổ phiếu LH	3,900,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	390
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	105
P/E	7.5
EPS	3,579

DT thuần

Q4/24

59.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 30.6| 104%

YoY: ▲ 6.60| 12.3%

LN sau thuế

Q4/24

7.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.61| 509%

YoY: ▼0.23| -2.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

11.6%

+/- YoY: ▼ 2.5%

DT thuần

2024

159

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 41.0| 34.1%

LN sau thuế

2024

14.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.80| 6.0%

ROE

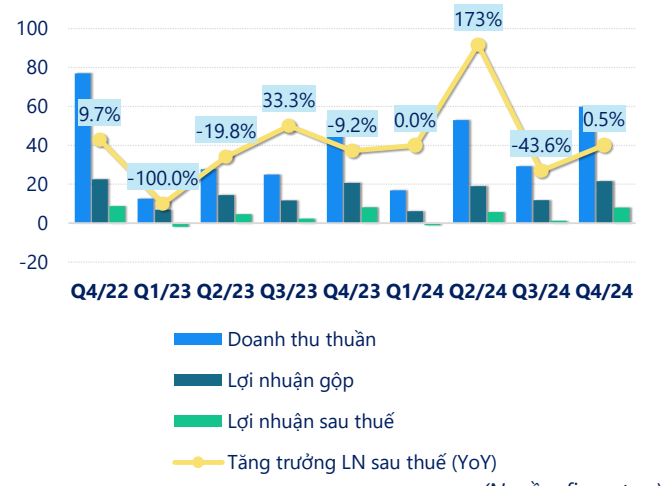
2024

19.7%

+/- YoY: ▲ 0.5%

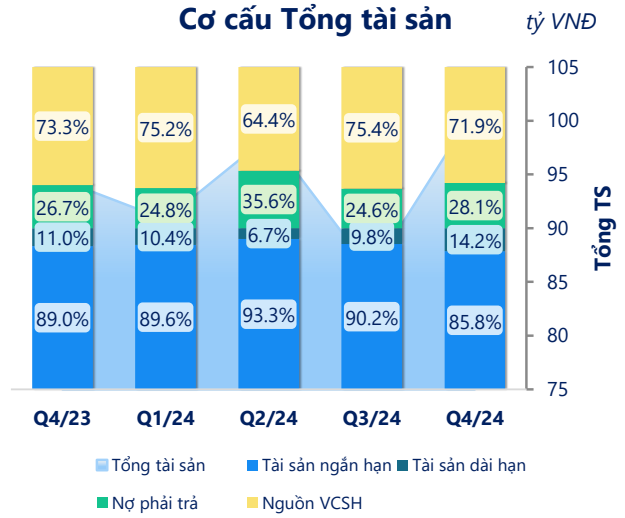
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



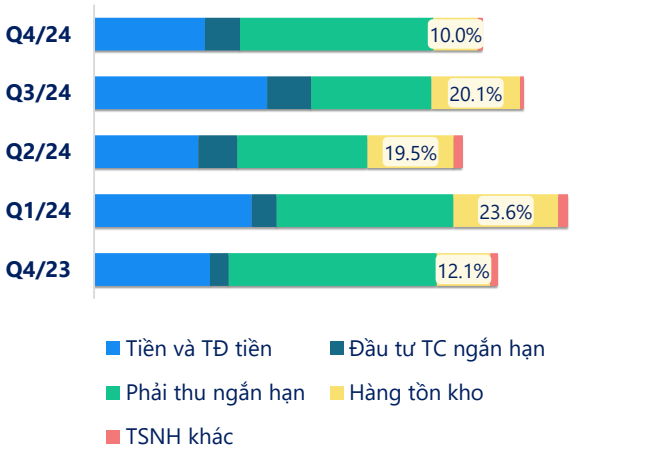
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



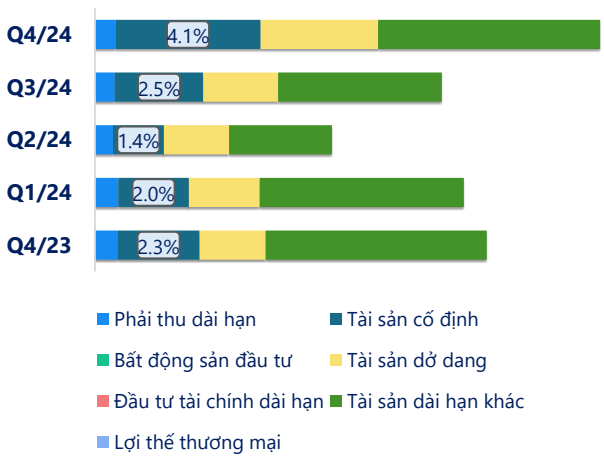
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



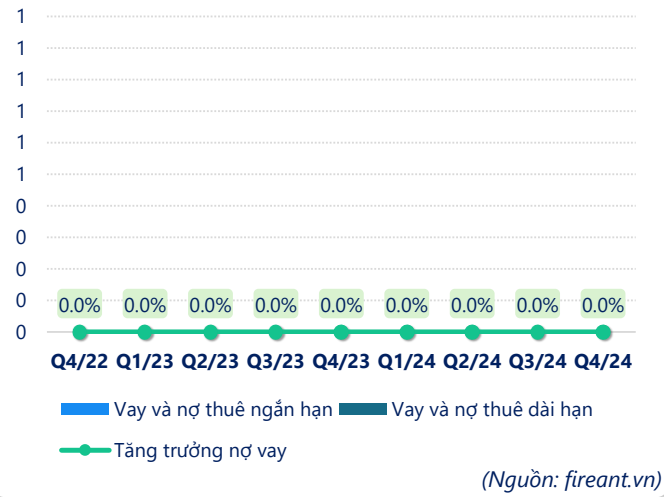
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



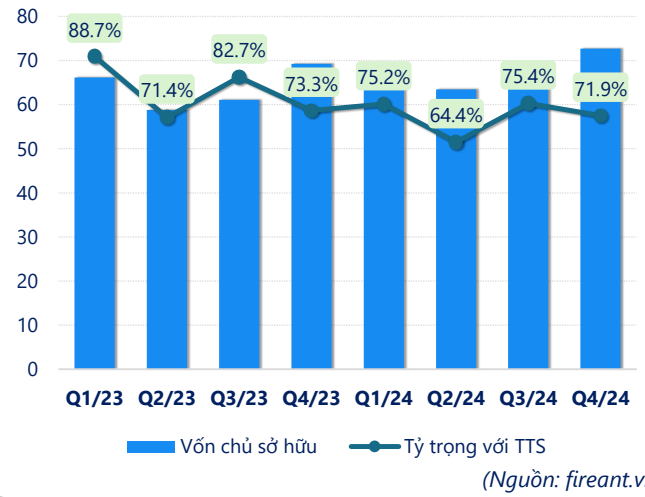
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



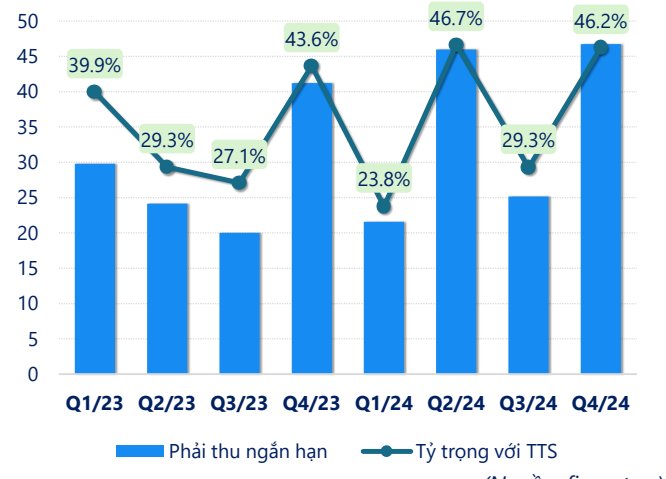
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



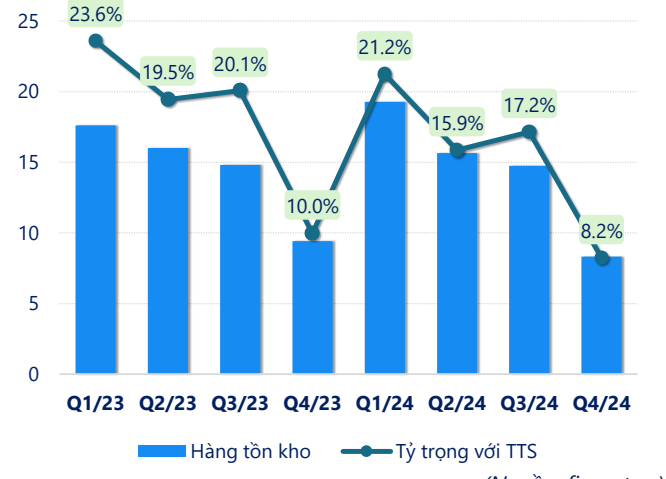
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



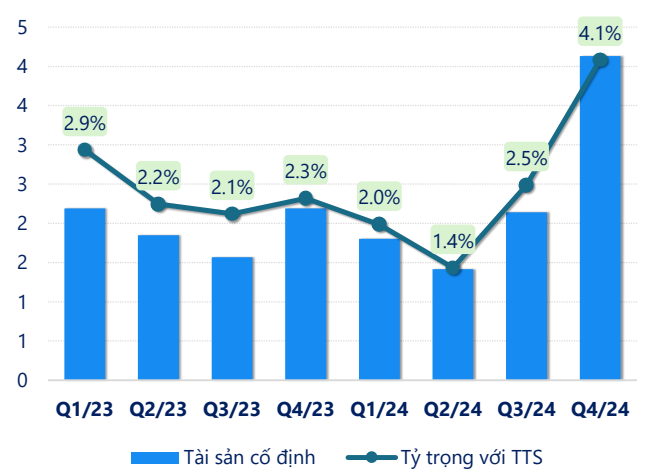
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



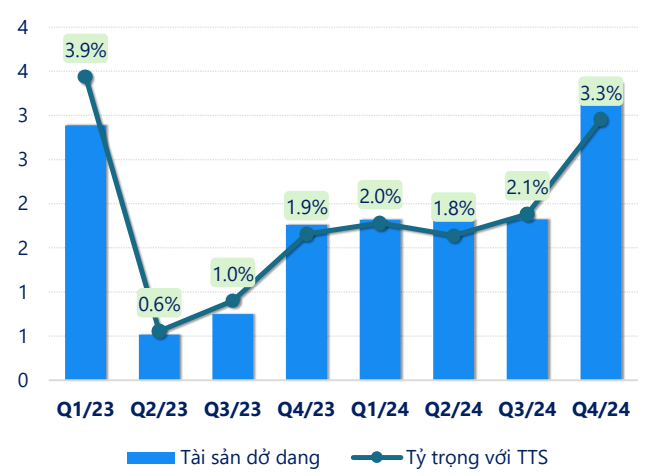
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



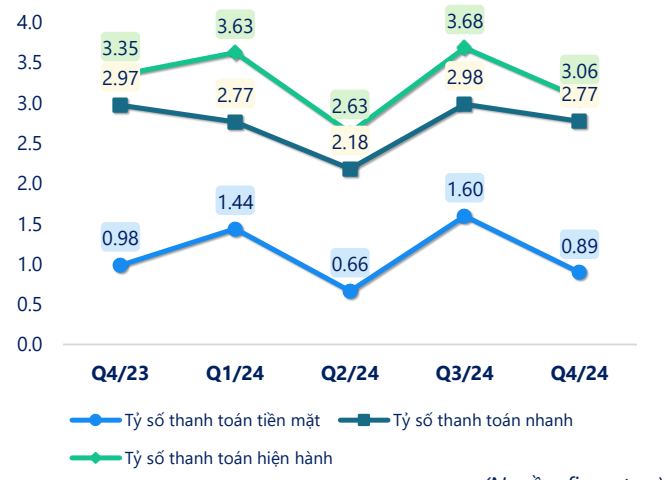
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



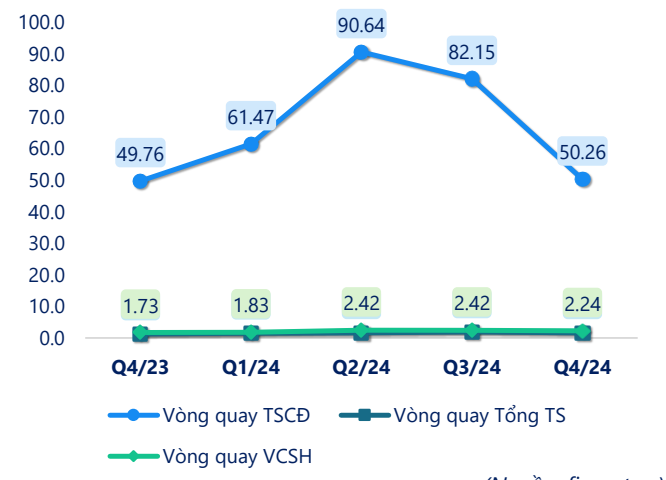
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**94.4**	**90.8**	**98.6**	**85.9**	**101**
Tài sản ngắn hạn	**84.0**	**81.3**	**92.0**	**77.5**	**86.7**
Tiền và tương đương tiền	24.7	32.3	23.2	33.6	25.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.54	7.62	5.50	3.18	3.24
Phải thu ngắn hạn	41.2	21.6	46.0	25.1	46.7
Hàng tồn kho	9.41	19.3	15.6	14.7	8.32
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.58	1.66	0.90	3.14
Tài sản dài hạn	**10.4**	**9.44**	**6.59**	**8.41**	**14.4**
Phải thu dài hạn	0.60	0.60	0.50	0.48	0.59
Tài sản cố định	2.19	1.80	1.41	2.14	4.13
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.76	1.82	1.82	1.82	3.36
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	5.89	5.22	2.86	3.96	6.33
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**25.2**	**22.6**	**35.1**	**21.2**	**28.4**
Nợ ngắn hạn	**25.1**	**22.4**	**35.0**	**21.0**	**28.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	14.8	8.68	18.2	10.6	16.6
Nợ dài hạn	0.12	0.12	0.12	0.12	0.12
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**69.2**	**68.2**	**63.5**	**64.8**	**72.7**
Vốn chủ sở hữu	**69.2**	**68.2**	**63.5**	**64.8**	**72.7**
Vốn điều lệ	39.0	39.0	39.0	39.0	39.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)